TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: 11/2019/DS-ST.
Ngày: 23/4/2019.
V/v: "T/c hợp đồng vay tài sản".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Lê Văn An**

- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Võ Thanh Bình

2. Bà Phạm Hồng Gái

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa*: Ông **Nguyễn Minh Hậu** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 60/2019/TLST- DS ngày 08 tháng 3 năm 2019 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản";* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXX-ST ngày 04 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc L**, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Xẻo Tràm, xã Sơn Bình, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: số 158/48 đường Nguyễn Việt Hồng, phường An Phú, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

2/ Đồng bị đơn: - Ông **Phan Văn C**, sinh năm 1963 (vắng mặt – có đơn xin vắng mặt).

- Bà **Nguyễn Thị Kim C1,** sinh năm 1972 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Xẻo Tràm, xã Sơn Bình, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp Lình Huỳnh, xã Lình Huỳnh, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/01/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L trình bày như sau:

Trước đây vào ngày 10/12/2010 bà Nguyễn Thị Ngọc L có cho vợ chồng ông Phan Văn C và bà Nguyễn Thị Kim C1 vay số vàng là 10 chỉ vàng 24kra (loại 9999) và số tiền là 30.000.000 đồng. Khi vay hai bên có làm hợp đồng thế chấp vào ngày 10/12/2010, thời hạn vay là 24 tháng, phía ông C, bà C1 có thế chấp cho bà L 01 giấy chứng nhận QSD đất số AĐ015417 mang tên Nguyễn Thị Kim C1 do UBND huyện Hòn Đất cấp ngày 01/02/2007 để làm tin (hiện nay bà L đang giữ). Sau đó đến ngày 10/01/2011 bà C1 và ông C tiếp tục vay thêm của bà L 03 chỉ vàng 24kra (loại 9999), ngày 12/01/2011 vay thêm vay 14 chỉ vàng 24kra (loại 9999). Đến ngày 24/7/2011 vợ chồng ông C, bà C1 vay thêm số tiền là 15.000.000 đồng. Tổng cộng qua các lần vay thì vợ chồng ông C và bà C1 đã vay của bà L số vàng là 27 chỉ loại 24kra và số tiền là 45.000.000 đồng.

Số tiền và vàng trên vợ chồng bà C1 đã vay từ rất lâu nhưng không trả gốc và lãi. Phía bà L đã nhiều lần đòi liên tục nhưng vợ chồng ông C và bà C1 vẫn không thanh toán số nợ trên cho bà L. Đến ngày 01/11/2018 phía bà L và ông C, bà C1 tổng kết nợ lại với nhau bằng văn bản giấy xác nhận nợ tiền và vàng.

Nay bà Nguyễn Thị Ngọc L yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim C1 và ông Phan Văn C phải trả cho bà 27 chỉ vàng 24kra (loại 9999), bà L không yêu cầu tính lãi trên số vàng và số tiền gốc là 45.000.000 đồng. Đồng thời bà L yêu cầu bà C1, ông C phải chịu lãi trên số tiền vay gốc cụ thể như sau: Số tiền vay gốc 30.000.000 đồng từ ngày 10/12/2010 đến ngày 10/11/2018 là 28.500.000 đồng (30.000.000đ x 1% x 95 tháng), số tiền vay gốc 15.000.000 đồng từ ngày 24/7/2011 đến ngày 24/10/2018 là 13.050.000 đồng (15.000.000đ x 1% x 87 tháng). Tổng cộng gốc và lãi là 86.550.000 đồng (trong đó gốc là 45.000.000 đồng và tiền lãi là 41.550.000 đồng).

** Tại các bản khai và tại phiên tòa hôm nay đồng bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C1 trình bày như sau:*

Bà Nguyễn Thị Kim C1 thừa nhận trước đây vợ chồng bà có vay tiền và vàng của bà Nguyễn Thị Ngọc L như bà L trình bày là đúng sự thật. Số vàng là 27 chỉ 24kra và tiền là 45.000.000 đồng, số tiền và vàng này vợ chồng bà vay làm rất nhiều lần, mục đích vay về là để nuôi cá. Khi vay tiền của bà L thì bà C1 có giao cho bà L một giấy chứng nhận QSD đất số AĐ 015417 tên Nguyễn Thị Kim C1 do UBND huyện Hòn Đất cấp ngày 01/02/2007 để làm tin, hứa khi nào trả hết nợ thì sẽ lấy lại giấy đất. Tuy nhiên quá trình làm ăn bị thua lỗ nên không trả gốc được lần nào nhưng lãi thì bà C1 có đóng đều đặn, tuy nhiên việc đóng lãi này bà C1 không có chứng cứ gì để chứng minh.

Tại phiên tòa hôm nay bà L yêu cầu vợ chồng bà C1, ông C phải trả cho cho bà L 27 chỉ vàng 24kra (loại 9999) và số tiền vay tổng cộng gốc và lãi là 86.550.000 đồng (gốc 45.000.000 đồng và lãi 41.550.000 đồng) thì bà cũng đồng ý trả nhưng vì hiện tại gia đình khó khăn nên bà xin được trả dần mỗi vụ lúa 10.000.000 đồng đến khi hết số nợ này. Việc mượn tiền này tuy là để phục vụ việc làm ăn trong gia đình nhưng ông C không biết gì cả, bà C1 là người trực tiếp giao dịch với bà L. Do đó đề nghị HĐXX giải quyết vắng mặt ông Phan Văn C.

** Tại biên bản ghi lời khai ngày 03/4/2019 ông Phan Văn C trình bày như sau:*

Việc vay tiền giữa vợ ông là bà C1 với bà L như thế nào thì lúc đầu ông không biết, sau đó thấy bà L đến nhà nhiều lần để đòi tiền thì ông mới biết. Số tiền và vàng vợ ông vay về là để làm ăn (nuôi cá) nhưng không may bị thua lỗ nên mới không có tiền trả cho bà L. Nay bà L yêu cầu vợ chồng ông C phải trả cho bà L 27 chỉ vàng 24kra và số tiền vay tổng cộng gốc và lãi là 86.550.000 đồng thì ông cũng đồng ý trả nhưng vì hiện tại gia đình khó khăn nên ông xin được trả dần mỗi vụ lúa 10.000.000 đồng đến khi hết số nợ này.

Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất , tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn. Buộc phía ông Phan Văn C và bà Nguyễn Thị Kim C1 phải trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc L 27 chỉ vàng 24kra (loại 9999) và số tiền vay tổng cộng là 86.550.000 đồng (trong đó tiền gốc là 45.000.000 đồng và tiền lãi là 41.550.000 đồng).

Đồng thời buộc bà Nguyễn Thị Ngọc L phải giao trả lại cho ông Phan Văn C và bà Nguyễn Thị Kim C1 giấy chứng nhận QSD đất bản chính số AĐ 015417 do UBND huyện Hòn Đất cấp cho bà Nguyễn Thị Kim C1 vào ngày 01/02/2007 khi án có hiệu lực pháp luật. Bởi vì bà L là cá nhân không có thẩm quyền nhận thế chấp giấy chứng nhận QSD đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ s ơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ kiện tranh chấp hợp vay tài sản giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L và đồng bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C1 và ông Phan Văn C. Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng hợp L cho đồng bị đơn ông Phan Văn C, ông C nhận đầy đủ nhưng do bận công việc nên ông C xin Tòa

án xét xử vắng mặt ông. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Theo lời khai của các đương sự có trong hồ sơ vụ án cho thấy trước đây vào năm 2010 và 2011 bà Nguyễn Thị Kim C1 và ông Phan Văn C có vay của bà Nguyễn Thị Ngọc L số vàng là 27 chỉ loại 24kra (loại 9999) và số tiền vay gốc là 45.000.000 đồng, việc vay mượn các bên có tổng kết nợ với nhau vào năm 2018 là đúng sự thật và các bên không có tranh chấp. Tại phiên tòa bà L yêu cầu vợ chồng bà C1, ông C phải trả cho bà 27 chỉ vàng 24kra (loại 9999) và số tiền vay gốc là 45.000.000 đồng. Đồng thời bà L yêu cầu bà C1, ông C phải chịu lãi trên số tiền vay gốc cụ thể như sau: Số tiền vay gốc 30.000.000 đồng từ ngày 10/12/2010 đến ngày 10/11/2018 là 28.500.000 đồng (30.000.000đ x 1% x 95 tháng), số tiền vay gốc 15.000.000 đồng từ ngày 24/7/2011 đến ngày 24/10/2018 là 13.050.000 đồng (15.000.000đ x 1% x 87 tháng). Tổng cộng gốc và lãi là 86.550.000 đồng (trong đó tiền gốc là 45.000.000 đồng và tiền lãi là 41.550.000 đồng) theo đúng như các bên tổng kết nợ lại với nhau bằng văn bản giấy xác nhận nợ tiền và vàng vào ngày 01/11/2018.

Hội đồng xét xử nhận thấy căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc L là có căn cứ để được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Bởi lẽ theo quy định tại điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng vay tài sản như sau: *"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định"*.

Mặt khác, tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Kim C1 cũng thừa nhận vợ chồng bà có vay của bà L 27 chỉ vàng 24kra (loại 9999) và số tiền gốc là 45.000.000 đồng. Nay bà L yêu cầu vợ chồng bà trả 27 chỉ vàng loại 24kra và số tiền gốc là 45.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh trên số tiền vay gốc là 41.550.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 86.550.000 đồng thì vợ chồng bà cũng đồng ý trả nhưng xin được trả dần mỗi vụ lúa là 10.000.000 đồng đến khi hết số nợ trên do hoàn cảnh hiện tại quá khó khăn.

Xét yêu cầu xin được trả dần của phía đồng bị đơn bà C1 và ông C. Căn cứ vào mục 1 phần III Thông tư liên tịch số 01 ngày 19/6/1997 của TANDTC - VKSNDTC-Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính hướng dẫn về việc xét xử và thi hành án về tài sản quy định "…Tòa án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành …". Đồng thời tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn cũng không đồng ý cho phía bị đơn được trả dần do đó HĐXX không xem xét.

Đối với giấy chứng nhận QSD đất số AĐ 015417 tên Nguyễn Thị Kim C1 do UBND huyện Hòn Đất cấp ngày 01/02/2007 hiện nay bà L đang giữ thì buộc bà L phải trả lại giấy chứng nhận QSD đất trên cho bà C1 và ông C. Do bà L là cá nhân nên việc giữ giấy chứng nhận của người khác theo hình thức nhận thế chấp là không phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các đương sự thống nhất lấy giá vàng hôm nay là 3.500.000 đồng/chỉ để làm cơ sở tính án phí trong vụ án này. Phía nguyên đơn bà L trình bày giấy chứng nhận QSD đất bản chính số AĐ 015417 mang Nguyễn Thị Kim C1 do UBND huyện Hòn Đất cấp ngày 01/02/2007 hiện nay bà L đang giữ, bà không có đem đi thế chấp cho cá nhân hay ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng nào.

Ý kiến phát biểu của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất là có cơ sở để được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận trong quá trình nghị án.

Từ những lập luận và viện dẫn nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc L là có cơ sở để được HĐXX xem xét chấp nhận. Buộc bà Nguyễn Thị Kim C1 và ông Phan Văn C phải có trách nhiệm trả cho bà L 27 chỉ vàng 24kra (loại 9999) và số tiền vay gốc là 45.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh trên số tiền vay gốc với mức lãi suất là 1%/tháng tính từ ngày vay thành tiền là 41.550.000 đồng, gốc và lãi là 86.550.000 đồng.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim C1 và ông Phan Văn C phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật là 9.052.500 đồng. (Cụ thể: 27 chỉ vàng 24 kra x 3.500.000 đồng = 94.500.000 đồng + 86.550.000 đồng = 181.050.000 đồng x 5% = 9.052.500 đồng)

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc L toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.537.500 đồng theo biên lai thu số 0000720, ngày 18/02/2019 của C1 cục Thi hành án huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 471, Điều 473 và Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim C1 và ông Phan Văn C trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc L 27 (Hai mươi bảy) chỉ vàng 24kra (loại 9999) và số tiền vay tổng cộng gốc và lãi là 86.550.000 đồng (Tám mươi sáu triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng). Trong đó gốc tiền là 45.000.000 đồng và tiền lãi là 41.550.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc L phải giao trả lại cho ông Phan Văn C và bà Nguyễn Thị Kim C1 giấy chứng nhận QSD đất bản chính số AĐ 015417 do UBND huyện Hòn Đất cấp cho bà Nguyễn Thị Kim C1 vào ngày 01/02/2007 khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí DSST: Buộc bà Nguyễn Thị Kim C1 và ông Phan Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật là 9.052.500 đồng (Chín triệu, không trăm năm mươi hai ngàn, năm trăm đồng).

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc L toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.537.500 đồng theo biên lai thu số 0000720, ngày 18/02/2019 của C1 cục Thi hành án huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Văn An